

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2024

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Trang.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Nhựt M - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Ấp P, Xã P, huyện M, tỉnh Sıc Trăng. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Dương A - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan Nhựt M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Dương A tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 05-5-2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông và bà A sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Ông và bà A sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Dương A.

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 31-01-2011, hiện đang sống với bà A. Khi ly hôn con chung yêu cầu bà A nuôi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Nhựt M khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Dương A Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà A được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Ông Phan Nhựt M và bà Nguyễn Thị Dương A chung sống có đăng ký kết hôn ngày 05-5-2011 tại Ủy ban nhân dân M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà A là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông M, Hội đồng xét xử nhận định: ông M cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông M và bà A sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với ông M. Vì vậy, qua lời trình bày của ông M nhận thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông M yêu cầu ly hôn với bà A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông M và bà A có 01 con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 31-01-2011, hiện đang sống với bà A. Xét từ khi ông M và bà A sống ly thân con chung do bà A nuôi dưỡng. Vì vậy, giao con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà A vắng mặt không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông M trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Ông M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông M đã nộp đủ tiền án phí.

[8.2] Bà A không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ông Phan Nhựt M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Dương A.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Dương A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Đăng K, sinh ngày 31-01-2011, hiện đang sống với bà A. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, ông M và bà A có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Nhựt M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004697 ngày 24-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái